

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HOÀ  
TỈNH NGHỆ AN  
Số: 119/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Hoà, ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1979

Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1973

Đều trú tại: Xóm Đ, xã H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các Điều 28; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thị D, sinh năm: 1979

Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1973

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị D và anh Trần Hữu T thỏa thuận, thống nhất thuận tình ly hôn.

**\* Về nuôi con chung:** Giao cho anh Trần Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục một con chung của chị D, anh T là Trần Hữu Th, sinh ngày 04/04/2006 cho đến khi con chung trưởng thành.

Còn con chung Trần Thị N, sinh ngày 08/7/2000 đã trưởng thành có cuộc sống tự lập nên chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung Trần Hữu Th cùng

anh T mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) . Thi hành kể từ tháng 1 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chị D, anh T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**\* Về chia tài sản:** Chị Trần Thị D và anh Trần Hữu T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về án phí:** Chị Trần Thị D thỏa thuận chịu 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001216 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa (chị D đã nộp đủ tiền án phí).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001217 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- UBND xã Đ (để ghi vào sổ hộ tịch, giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 12/11/1999);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Ngoan**



